

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

Khoa Xây Dựng

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		cc	BT	GK	Nhóm	Điểm bài tập VN	Chi tiết điểm Bài tập về nhà										Giữa kì	
				10%	20%	15%	10%		BTVN1	BTVN2	BTVN3	BTVN4	BTVN	OL1	OL2	OL3	OL4	ng câu đm	BT online	
1	2021625002	Đỗ Thành	Chung	9.2	4.9	4.6	7.8	4.9	6	5	5.5	5.5	5.5	12	5	6	15	38	4.3	4.6
2	1821626009	Mai Văn	Đắc	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0
3	2021626601	Ngô Quốc	Đạt	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0
4	2021626637	Nguyễn Văn	Đông	8	4.8	4	4.8	4.8	7	5.5	0.1	6	4.65	12	7	10	15	44	4.9	4
5	1821623836	Phạm	Duy	0	0	0	0	0			0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0
6	2021628296	Võ Thế	Hiển	10	4	3.8	3.1	4	5	3	4.5	4	4.125	12	5	11	7	35	3.9	3.8
7	1920623480	Nguyễn Công	Hiếu	5.8	1	2	5.6	1		5.5	0	0	1.375	0	6	0	0	6	0.7	2
8	2021626131	Nguyễn Tấn	Hiếu	7.9	4.6	4.4	4.9	4.6	7	5.5	0.1	7	4.9	12	6	11	9	38	4.3	4.4
9	2021624259	Thân Nguyễn Nhật	Hoàng	10	5.3	5.8	8	5.3	4	5	9	7	6.25	12	5	9	12	38	4.3	5.8
10	2021626621	Trần Đức	Hoàng	10	5.4	1.6	7.8	5.4	6	5.5	6.5	9	6.75	12	4	9	11	36	4.0	1.6
11	2021626889	Lê Thế	Hoành	8.7	4	4.6	3.3	4	7	3	0	6.5	4.125	12	2	11	10	35	3.9	4.6
12	2020612987	Phạm Xuân	Huân	8.6	5.2	2.2	4.4	5.2	7	3.5	5.5	9	6.25	12	5	9	11	37	4.2	2.2
13	2021515729	Trương Văn	Hùng	9.2	2.6	5	2.5	2.6		3	0.1	3	1.525	12	6	8	7	33	3.7	5
14	2021418450	Tô Duy	Khánh	9.3	5	4.4	7.4	5	4	5.5	6.5	7	5.75	12	6	10	10	38	4.3	4.4
15	172227088	Võ Anh	Khoa	3.8	0	2.2	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	2.2
16	1921623513	Vũ Văn	Nam	10	4	2	4.3	4		6	5	4	3.75	12	8	8	10	38	4.3	2
17	2021625077	Nguyễn Viết	Quảng	8.5	2.2	2.6	3.1	2.2	4	0	0.1	5.5	2.4	0	6	4	8	18	2.0	2.6
18	1921623523	Từ Văn	Quốc	7.9	4.4	3.2	3.1	4.4	6.5	6	6.5	5.5	6.125	0	8	5	10	23	2.6	3.2
19	1921623497	Phan Hồng	Thạch	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0
20	1921628865	Nguyễn Quý	Thành	1.7	2	2.4	0	2		4	0	0	1	0	9	7	11	27	3.0	2.4

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	cc	BT	GK	Nhóm	Điểm bài tập VN	Chi tiết điểm Bài tập về nhà											Giữa kì
			10%	20%	15%	10%		BTVN1	BTVN2	BTVN3	BTVN4	BTVN	OL1	OL2	OL3	OL4	ng câu đm	BT online	
21	2020624708	Phan Lê Công Thành	7.9	5	2.6	5	5	9	5	8.5	5	6.875	0	7	10	11	28	3.1	2.6
22	2021626788	Nguyễn Đình Thi	6.9	2.2	3.2	2.9	2.2		0.01	0	3	0.7525	12	6	9	6	33	3.7	3.2
23	1921623499	Nguyễn Minh Thiều	7.9	3	2	6	3		4.5	0.1	4	2.15	12	6	7	10	35	3.9	2
24	172216565	Nguyễn Văn Thịnh	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.0	0
25	2021624796	Đỗ Quang Tiến	8.7	4.5	4.6	6.5	4.5	6	3	5.5	6.5	5.25	12	6	8	8	34	3.8	4.6
26	2021628083	Lê Hoàng Vũ	7.5	5	5.4	5.3	5	8	5.5	0.1	9.5	5.775	12	5	12	9	38	4.3	5.4
27	2020712765	Nguyễn Minh Xuân	8.5	2.8	2	3.1	2.8	6	3	0.1	3	3.025	12	0	4	7	23	2.6	2
28	1921623503	Nguyễn Anh Quốc	4.2	3.7	3	2.8	3.7		5	4.5	4.5	3.5	12	5	9	9	35	3.9	3
29	1921627853	Lê Văn Cường	5.3	3.4	3.6	5	3.4	5	4	3	3	3.75	12	6	0	9	27	3.0	3.6
30	1921621307	Nguyễn Anh Kiệt	3.8	1.9	5	0	1.9		6	4	5	3.75	0	0	0	0	0	0.0	5
31	1921623474	Nguyễn Thanh Hùng	7.7	2.6	5	5.9	2.6		5	5.5	1	2.875	0	0	7	13	20	2.2	5
32	1921628156	Hồ Công Cường	3.3	1.6	4.2	4.4	1.6		0	0	0	0	12	0	7	9	28	3.1	4.2
33	1921623472	Đặng Ngọc Hiếu	3.8	0.4	3.8	3.8	0.4		0		3	0.75	0	0	0	0	0	0.0	3.8
34	1921620955	Cao Văn Việt	6.7	1.7	1.2	0	1.7		4	3	0	1.75	0	0	8	7	15	1.7	1.2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
Khoa Xây Dựng

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		Bài tập nhóm					Số buổi vắng quy đổi	Chuyên cần			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
				Bài tập nhóm	Chương 6	Chương 7	Chương 8	Chương 9		Số buổi điểm đanh	Điểm chuyên cần	Nộp bài VN2	Nộp bài VN3	Điểm đanh KTGK	1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
				10%												15.2.2.2.13.26.3.17					1	5			18		
1	2021625002	Đỗ Thành	Chung	7.8	7	8	8	8	1	12	9.2							m									
2	1821626009	Mai Văn	Đắc	0	0	0	0	0	12	12	0	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v			
3	2021626601	Ngô Quốc	Đạt	0	0	0	0	0	12	12	0	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v			
4	2021626637	Nguyễn Văn	Đông	4.8	0	6	7	6	3	15	8				v	v		m					*	x	x	x	
5	1821623836	Phạm	Duy	0	0	0	0	0	12	12	0	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v			
6	2021628296	Võ Thế	Hiển	3.1	0	0	6.5	6	0	14	10												*	x		x	
7	1920623480	Nguyễn Công	Hiếu	5.6	5.5	5.5	5	6.5	5	12	5.8		v				v	m		v			v				
8	2021626131	Nguyễn Tấn	Hiếu	4.9	0	6.5	7	6	3	14	7.9							m				v	v	x		x	
9	2021624259	Thân Nguyễn Nhật	Hoàng	8	8.5	8.5	7	8	0	12	10																
10	2021626621	Trần Đức	Hoàng	7.8	8	8.5	7	7.5	0	13	10														x		
11	2021626889	Lê Thế	Hoành	3.3	0	0	7	6	2	15	8.7		v				v								x	x	x
12	2020612987	Phạm Xuân	Huân	4.4	0	6.5	5	6	2	14	8.6		m									v				x	x
13	2021515729	Trương Văn	Hùng	2.5	0	0	4	6	1	13	9.2						v										x
14	2021418450	Tô Duy	Khánh	7.4	7.5	8	6	8	1	14	9.3							m							x	x	
15	172227088	Võ Anh	Khoa	0	0	0	0	0	7.5	12	3.8	v	v			v	v	v	v		v			p			
16	1921623513	Vũ Văn	Nam	4.3	6	0	6	5	0	13	10															x	
17	2021625077	Nguyễn Viết	Quảng	3.1	0	0	6.5	6	2	13	8.5	v											v		x		
18	1921623523	Từ Văn	Quốc	3.1	0	6.5	6	0	3	14	7.9		m			v				v						x	x
19	1921623497	Phan Hồng	Thạch	0	0	0	0	0	12	12	0	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v	v			
20	1921628865	Nguyễn Quý	Thành	0	0	0	0	0	10	12	1.7	v	v			v	v	v	v	v		v	v	v			

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN		Bài tập nhóm						Chuyên cần			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15						
				Bài tập nhóm	Chương 6	Chương 7	Chương 8	Chương 9	Số buổi vắng quy đổi	Số buổi điểm danh	Điểm chuyên cần	Nộp bài VN2	Nộp bài VN3	Điểm danh KTGK	1	2	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15							
				10%												15.2.2.2.13.26.3.17	1	5															
21	2020624708	Phan Lê Công	Thành	5	0	7	7	6	3	14	7.9							v	v		v				x		x						
22	2021626788	Nguyễn Đình	Thi	2.9	0	0	5.5	6	4	13	6.9		v			v		v		v					x								
23	1921623499	Nguyễn Minh	Thiều	6	6.5	5	6	6.5	3	14	7.9							v			v	v			x		x						
24	172216565	Nguyễn Văn	Thịnh	0	0	0	0	0	12	12	0	v	v		v	v	v	v	v	v	v	v	v										
25	2021624796	Đỗ Quang	Tiến	6.5	6	7	7	6	2	15	8.7								v				v	x	x								
26	2021628083	Lê Hoàng	Vũ	5.3	0	7	8	6	3.5	14	7.5							m			p	v	v	x		x							
27	2020712765	Nguyễn Minh	Xuân	3.1	0	0	6.5	6	2	13	8.5								v			v	*		x								
28	1921623503	Nguyễn Anh	Quốc	2.8	0	0	6	5	7	12	4.2	v				v	v	v		v	v	v											
29	1921627853	Lê Văn	Cường	5	6.5	0	6.5	7	7	15	5.3	v				v	v	v		v		v		v	x		x						
30	1921621307	Nguyễn Anh	Kiệt	0	0	0	0	0	8	13	3.8	v	m			v	v	v	v	v			v				x						
31	1921623474	Nguyễn Thanh	Hùng	5.9	5.5	6.5	5	6.5	3	13	7.7					v	v	v							x								
32	1921628156	Hồ Công	Cường	4.4	6.5	5	0	6	8	12	3.3	v	v			v	v	v	v				v	v									
33	1921623472	Đặng Ngọc	Hiếu	3.8	0	6	4	5	8	13	3.8	v	v			v	v	v	v	v	v					x							
34	1921620955	Cao Văn	Việt	0	0	0	0	0	5	15	6.7	v				v	v	v					v		x		x						
				11	16	24	24																9		9	13		10	15	13	14	10	